TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 353/2024/DS-ST
Ngày 07/11/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hách

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai

Bà Trần Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2024/TLST-DSST ngày 22 tháng 05 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 09 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (P);

Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đình L – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Thanh H (Theo giấy ủy quyền số 28651 ngày 22/12/2023); Địa chỉ: Ngân hàng TMCP Đ - Số B N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Cung Duy Q, sinh năm: 1981;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Số B, ngõ A, phố Chợ K, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2023 và văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày như sau:

Ông Cung Duy Q vay của Ngân hàng TMCP Đ (P) theo hợp đồng tín dụng số 424/2017/HĐTD/PVB – HN ngày 25/08/2017 và Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 180xxxxx15181/TTD-PVB ngày 08/08/2018 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng/ Hợp đồng), cụ thể như sau:

- Ngày 25/08/2017, Ngân Hàng TMCP Đ (P) với ông Cung Duy Q đã ký kết Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 424/2017/HĐTD/PVB – HN, với nội dung như sau:

Hạn mức: 500.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng)

Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng

Lãi suất: 11,1%/năm

Lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân:11,1%/năm.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được bên vay trả nợ đúng hạn.

- Ngày 08/08/2018, Ngân hàng TMCP Đ (P) với ông Cung Duy Q đã ký kết Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thì tín dụng quốc tế P MasterCard số 180xxxxx15181/TTD-PVB, với nội dung sau:

Hạn mức thẻ: 30.000.000 VNĐ

Thời hạn: Từ ngày 16/08/2018 đến ngày 31/08/2021

Lãi suất: 25%/năm.

- Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 424/2017/HĐTD/PVB 25/08/2017 - HN ngày 25/08/2017 với hạn mức là 500.000.000 đồng. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông Cung Duy Q đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho P: Nợ gốc đã trả: 282.200.000 VNĐ; nợ lãi đã trả: 116.188.239 đồng. Tổng nợ đã trả: 398.388.239 đồng.

- Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 180xxxxx15181/TTD-PVB ngày 08/08/2018 với hạn mức 30.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn). Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Cung Duy Q đã vi phạm nghĩa vụ và không thực hiện thanh toán cho P.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 31/03/2022, Ngân hàng đã gửi công văn về việc thông báo thu hồi nợ quá hạn đối với ông Cung Duy Q theo đó ông Cung Duy Q phải thanh toán dứt điểm khoản vay trước ngày 30/04/2022.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Cung Duy Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với P, theo đó các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 13/09/2024 ông Cung Duy Q còn nợ P số tiền là 454. 578.541 đồng (Bốn trăm năm mươi tư triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng), trong đó: nợ gốc là 235.043.612 đồng và nợ lãi, phí là 219.534.929 đồng. Trong đó:

Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 424/2017/HĐTD/PVB – HN ngày 25/08/2017 còn có nợ gốc phải trả là 217.800.000 đồng, nợ lãi phải trả là 154.930.000 đồng, tổng dư nợ là 372.730.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 180xxxxx15181/TTD-PVB ngày 08/08/2018 còn có nợ gốc phải trả là 17.243.612 đồng, nợ lãi, phí: 64.604.929 đồng, tổng dư nợ phải trả: 81.848.541 đồng

Nay Ngân hàng TMCP Đ để nghị Tòa án giải quyết buộc ông Cung Duy Q phải có nghĩa vụ trả cho P tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 13/09/2024 là: 454.578.541 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi tư triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng chẵn), trong đó nợ gốc là 235.043.612 đồng và nợ lãi, phí là 219.534.929 đồng. Ông Cung Duy Q còn phải trả cho P các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 424/2017/HĐTD/PVB – HN ngày 25/08/2017 và theo Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 180xxxxx15181/TTDPVB ngày 08/08/2018 kể từ ngày 14/09/2024 cho đến khi tất toán khoản vay. Trong trường hợp ông Cung Duy Q không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ nợ, P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của ông Cung Duy Q để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ tại P.

Về án phí : Ngân hàng đề nghị ông Cung Duy Q phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Ngoài các nội dung trên ngân hàng không yêu cầu Tòa giải quyết nội dung nào khác.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng TMCP Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án nhân dân quận Đống Đa buộc ông Cung Duy Q thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 07/11/2024 là 465.017.222 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi lăm triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm hai mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 235.043.612 đồng và nợ lãi, phí là 229.973.610 đồng.

Tại phiên tòa ông Cung Duy Q vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Cung Duy Q và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng

TMCP Đ, buộc ông Cung Duy Q có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 07/11/2024 là: 465.017.222 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 08/11/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Ông Cung Duy Q phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Cung Duy Q có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại số B, ngõ A, phố Chợ K, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa theo khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, triệu tập ông Cung Duy Q đến tham gia phiên tòa, thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự tại phiên tòa nhưng ông Q vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Cung Duy Q là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ngân hàng TMCP Đ và ông Cung Duy Q là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 424/2017/HĐTD/PVB – HN ngày 25/08/2017 và Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 180xxxxx15181/TTD-PVB ngày 08/08/2018 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Cung Duy Q được các bên ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy xác định là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành với các bên. Ông Q đã vay của Ngân hàng TMCP Đ theo do vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với P, theo đó các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Đến ngày 07/11/2024 dư nợ gốc là: 235.043.612 đồng và nợ lãi, phí là 229.973.610 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Q phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc nêu trên.

[3.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử căn cứ vào Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 424/2017/HĐTD/PVB – HN ngày 25/08/2017 và Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 180xxxxx15181/TTD-PVB ngày 08/08/2018 của ông Cung Duy Q với Ngân hàng

TMCP Đ Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 424/2017/HĐTD/PVB – HN mở ngày ngày 25/08/2017: ông Cung Duy Q đã được ngân hàng giải ngân số tiền: 500.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 01 ngày 25/8/2017 và ông Q đã trả số tiền là: 398.388.239 đồng trong đó nợ gốc: 282.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 114.370.959 đồng và nợ lãi quá hạn: 1.817.280 đồng; Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 180xxxxx15181/TTD-PVB mở ngày 08/08/2018 còn nợ số tiền nợ gốc là 17.243.612 đồng và ông Cung Duy Q không thực hiện thanh toán cho P. Ông Cung Duy Q chưa thanh toán số tiền nợ gốc 235.043.612 đồng còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng mà ông Q đã ký kết với Ngân hàng TMCP Đ. Do vậy, Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Cung Duy Q phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 235.043.612 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm mười hai đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận. Do vậy yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Cung Duy Q phải trả ngân hàng số tiền nợ gốc của các hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc ông Cung Duy Q phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền nợ gốc của các Hợp đồng tín dụng nêu trên là 235.043.612 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm mười hai đồng).

[3.2]. Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi suất trong hạn và lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi của Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 424/2017/HĐTD/PVB – HN ngày 25/08/2017 và Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 180xxxxx15181/TTD-PVB ngày 08/08/2018 tính từ khi vi phạm tạm tính đến ngày 07/11/2024 với tổng số tiền là: 229.973.610 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng) trong đó theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 424/2017/HĐTD/PVB – HN ngày 25/08/2017 số tiền nợ lãi trong hạn: 27.022.151 đồng, nợ lãi quá hạn: 133.806.091 đồng và Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 180xxxxx15181/TTD-PVB ngày 08/08/2018 còn nợ phí: 37.521.745 đồng, nợ lãi: 31.623.623 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Tại Điều 2 của Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 424/2017/HĐTD/PVB – HN ngày 25/08/2017 quy định lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm giải ngân được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần kể từ ngày giải ngân. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được. Tại khế ước nhận nợ số 01 ngày 25/8/2017 quy định lãi suất tại thời điểm cho vay là: 11,1%/năm.

Đối với Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 180xxxxx15181/TTD-PVB ngày 08/08/2018 ông Q đã ký xác nhận tại mục 13 của điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại P quy

định về lãi suất cho vay, cách tính lãi. Tại thời điểm mở thẻ tín dụng lãi suất là 24%/năm. Ông Cung Duy Q sử dụng thẻ từ ngày 17/8/2018 quá trình sử dụng thẻ ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhắc nhở ông Q, qua nhiều lần làm việc nhưng ông Q không có thiện chí trả nợ.

Căn cứ Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P, hợp đồng cho vay trả góp bằng được Ngân hàng TMCP Đ và ông Cung Duy Q ký kết đều quy định về lãi suất cho vay, quy định lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Ngân hàng TMCP Đ đã cung cấp cho Tòa án các quyết định thay đổi lãi suất và thông báo biểu lãi suất, Điều kiện giao dịch chung do vậy lãi suất ngân hàng TMCP Đ áp dụng đối với khoản vay tại các hợp đồng tín dụng của ông Cung Duy Q là phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất được quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do vậy, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ và buộc ông Cung Duy Q phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 07/11/2024 của 01 Hợp đồng tín tín dụng và 01 thẻ tín dụng là 229.973.610 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng), ông Q còn phải tiếp tục thanh toán lãi, lãi quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 08/11/2024 cho đến khi ông Cung Duy Q thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi ông Cung Duy Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ là: 465.017.222 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Về án phí: Ông Cung Duy Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Cung Duy Q phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ nợ gốc, lãi còn nợ của Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 424/2017/HĐTD/PVB – HN ngày 25/08/2017 và Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 180xxxxx15181/TTD-PVB ngày 08/08/2018.

2. Xác nhận ông Cung Duy Q còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 424/2017/HĐTD/PVB – HN ngày 25/08/2017 trong đó nợ gốc là: 217.800.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 27.022.151 đồng, nợ lãi quá hạn: 133.806.091 đồng và theo Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 180xxxxx15181/TTD-PVB ngày 08/08/2018 trong đó nợ gốc là: 17.243.612 đồng; phí: 37.521.745 đồng, nợ lãi: 31.623.623 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 465.017.222 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm hai mươi hai đồng) trong đó nợ gốc là 235.043.612 đồng và nợ lãi, phí là 229.973.610 đồng.

3. Buộc ông Cung Duy Q phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ thịnh vượng tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 465.017.222 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

4. Kể từ ngày 08/11/2024, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phạt chậm thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo từng hợp đồng trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán nhưng phải phù hợp với các quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ đối với ngân hàng, trường hợp hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về án phí: Ông Cung Duy Q phải chịu 22.600.689 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 10.065.070 đồng (Mười triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0064526 ngày 21/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và ông Cung Duy Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- TAND TP Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Hách